TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG,** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06/8/2024
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hòe.

2. Bà Nguyễn Ngọc Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Vàng A T *(Vắng mặt)*, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Bà Giàng Thị P *(Vắng mặt)*, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, ông Vàng A T (nguyên đơn) trình bày: Ông Vàng A T và chị Giàng Thị P kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2021 tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện Đ,

tỉnh Đ. Hôn nhân giữa ông Vàng A T và chị Giàng Thị P là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung: Cháu Vàng Tòa L, sinh ngày 31/12/2020. Hiện cháu L đang ở với ông T (Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ) và do ông T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Ông Vàng A T và chị Giàng Thị P không có tài sản gì chung, không nợ ai.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Khi mới kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; vơ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách khác nhau, hay cãi nhau, không quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đó làm. Vợ chồng ông T và bà P đã không chung sống cùng với nhau (ly thân) đầu năm 2022. Vợ chồng ông T đã tiến hành các thủ tục nhờ thôn hòa giải và ký biên bản đồng ý ly hôn, không còn là vợ chồng với nhau nữa tại thôn từ đầu năm 2022 và hiện ông T đang ở với một người phụ nữ khác nhưng chưa đăng ký kết hôn (do chưa làm xong thủ tục ly hôn với bà P).

Quan điểm, nguyện vọng về giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T xin ly hôn với bà Giàng Thị P

- Về nuôi con chung: Ông T xin được chăm sóc, nuôi dường cháu Vàng Tỏa L, sinh ngày 31/10/2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu bà Giàng Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bà Giàng Thị P (bị đơn):* trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải đoàn tụ, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải đối với bà Giàng Thị P, mặc dù đã biết được các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt nhưng bà Giàng Thị P vẫn vắng mặt mà không có lý do trong tất cả các lần triệu tập, phiên họp và hòa giải, xét xử tại Tòa án. Do bà Giàng Thị P vắng mặt nên không có lời khai cũng như không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Giàng Thị P phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào

quy định tại Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vàng A T được ly hôn với bà Giàng Thị P.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Vàng Tỏa L, sinh ngày 31/10/2022 cho ông Vàng A T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Ông Vàng A T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Vàng A T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Giàng Thị P và xin được nuôi con chung, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (bà Giàng Thị P) có đăng ký thường trú và sinh sống tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]1.3. Về sự vắng mặt của các đương sự: Đối với ông Vàng A T vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bà Giàng Thị P (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong triệu tập hợp lệ đến 02 lần (tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) để tham gia phiên tòa nhưng bà P vẫn vắng mặt mà không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4]2.1 Về quan hệ hôn nhân: ông Vàng A T và chị Giàng Thị P kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 23/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà P là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn

tụ, hôn nhân thật sự không đạt được mục đích; Vợ chồng đã không chung sống cùng với nhau (ly thân) đầu năm 2022. Vợ chồng đã tiến hành các thủ tục nhờ thôn hòa giải và ký biên bản đồng ý ly hôn, không còn là vợ chồng với nhau nữa tại thôn từ đầu năm 2022 và hiện ông T đang ở với một người phụ nữ khác nhưng chưa đăng ký kết hôn (do chưa làm xong thủ tục ly hôn với bà P). Qua xác minh tại địa phương thì được cung cấp thông tin vợ chồng ông T và bà P có mâu thuẫn với nhau và có thỏa thuận ly hôn tại thôn, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ lâu. Do đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Vàng A T.

[5]2.2 Về nuôi con chung: Ông Vàng A T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vàng Tỏa L, sinh ngày 31/10/2020 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."

Hiện cháu Vàng Tỏa L đã 4 tuổi và đang ở với ông Vàng A T; Kể từ khi hai vợ chồng sống ly thân thì cháu Lành ở với ông T, do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông T có đủ điều kiện về thu nhập, chỗ ở để chăm sóc, nuôi dưỡng con nên cần giao cháu L cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

[6]2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Vàng A T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] 2.4 Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông T và bà P không có tài sản gì chung, không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì và các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[8]**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Vàng A T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vàng A T đối với bà Giàng Thị P về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vàng A T được ly hôn với bà Giàng Thị P (chấm dứt quan hệ hôn nhân).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vàng Tỏa L, sinh ngày 31/10/2020 cho ông Vàng A T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vàng A T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002003 ngày 15/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng